MỤC LỤC

Trang

[PHẦN I: 1](#_Toc131435540)

[KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 1](#_Toc131435541)

[1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 1](#_Toc131435542)

[2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 3](#_Toc131435543)

[3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 9](#_Toc131435544)

[4. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022 10](#_Toc131435545)

[5. Kết quả thực hiện đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022 11](#_Toc131435546)

[6. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 11](#_Toc131435547)

[PHẦN II: 15](#_Toc131435548)

[LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 15](#_Toc131435549)

[1. Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2023 15](#_Toc131435550)

[2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất 15](#_Toc131435551)

[3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích 25](#_Toc131435552)

[4. Diện tích đất cần thu hồi 26](#_Toc131435553)

[5. Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải thu hồi đất 27](#_Toc131435554)

[6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng 27](#_Toc131435555)

[PHẦN III: 28](#_Toc131435556)

[GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 28](#_Toc131435557)

[1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường 28](#_Toc131435558)

[2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất 29](#_Toc131435559)

[3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sdđ 29](#_Toc131435560)

[*3.1. Về cơ chế, chính sách* 29](#_Toc131435561)

[*3.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất* 31](#_Toc131435562)

[PHẦN IV: 32](#_Toc131435563)

[KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 32](#_Toc131435564)

[1. Kết luận 32](#_Toc131435565)

[2. Kiến nghị 32](#_Toc131435566)

# PHẦN I:

Dự thảo

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

## 1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Căn cứ vào kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện Đắk Song; căn cứ danh mục công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất đã được thông qua tại Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND tỉnh và phê duyệt tai quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Song.

Kết quả thực hiện như sau:

+ Có 44/166 công trình, dự án hoàn thành trong năm 2022 (đạt 26,50% kế hoạch);

+ Có 68/166 công trình, dự án chưa thực hiện trong năm 2022 chuyển tiếp sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (chiếm 40,96% kế hoạch);

+ Có 54/166 công trình, dự án chưa thực hiện trong năm 2022 không chuyển tiếp sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (chiếm 32,53% kế hoạch).

***Bảng 1: Danh mục các công trình thực hiện xong trong năm 2022***

*ĐVT: ha*

| **TT** | **Hạng mục** | **Mã QH** | **Địa điểm (xã, thị trấn)** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
| 1 | Trụ sở công an xã Nam Bình | CAN | Xã Nam Bình | 0,04 |
| 2 | Trụ sở công an xã Thuận Hà | CAN | Xã Thuận Hà | 0,10 |
| 3 | Trụ sở công an xã Thuận Hạnh | CAN | Xã Thuận Hạnh | 0,13 |
| 4 | Chốt chiến đấu dân quân thường trực xã Thuận Hà |  CQP  |  Xã Thuận Hà  | 3,00 |
| 5 | Chốt chiến đấu dân quân thường trực xã Thuận Hạnh |  CQP  |  | 2,60 |
| 6 | Căn cứ chiến đấu + khu TGSX của Biên phòng | CQP | Xã Thuận Hạnh | 25,56 |
| 7 | Công sự Đại Liên số 6 | CQP | Xã Thuận Hạnh | 0,02 |
| 8 | Đường giao thông TDP 3 TT. Đức An (phía Nam) | DGT | TT. Đức An | 0,38 |
| 9 | Đường TDP 4 thị trấn Đức An (200 m) | DGT | TT. Đức An | 1,40 |
| 10 | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Đắk Sơn 1 (0,6 km) | DGT |  Xã Đắk Môl  | 0,07 |
| 11 | Tuyến đường vành đai phía Tây Nam huyện Đắk Song | DGT |  Xã Đắk N'Đrung;Xã Nam Bình;Xã Thuận Hà  | 10,00 |
| 12 | Mở rộng đường vào xóm 3, thôn 9 (tuyến 3 \_ 1,5 km) | DGT |  Xã Nam Bình  | 0,45 |
| 13 | Mở rộng DGT Đắk Tiên đi Nâm Njang (1 km) |  DGT  | Xã Nâm N'Jang | 0,50 |
| 14 | Đường GT thôn 5 |  DGT  | Xã Thuận Hà | 0,81 |
| 15 | Đường GT thôn 2 |  DGT  | Xã Thuận Hà | 1,66 |
| 16 | Cầu thôn 10 |  DGT  | Xã Trường Xuân | 0,08 |
| 17 | Đường giao thông sau chợ Trường Xuân đi thôn 1  |  DGT  | Xã Trường Xuân | 0,14 |
| 18 | Chuyển vị trí bưu điện xã (lấy từ đất công ích của xã) | DBV | Xã Thuận Hạnh | 0,03 |
| 19 | Quảng trường Trung tâm huyện Đắk Song |  DVH  | TT. Đức An | 2,20 |
| 20 | Nhà văn hóa xã Đắk Môl | DVH | Xã Đắk Môl | 0,13 |
| 21 | Nhà văn hóa xã Thuận Hà | DVH | Xã Thuận Hà | 0,18 |
| 22 | Chuyển trường Nguyễn Chí Thanh thành nhà văn hóa thôn Tân Bình |  DSH  |  Xã Đắk Hòa  | 0,05 |
| 23 | Nhà SHCĐ thôn 1 |  DSH  | Xã Trường Xuân | 0,10 |
| 24 | Mở rộng trường mầm non Vành Khuyên | DGD | Xã Đắk Hòa | 0,30 |
| 25 | Nhà máy điện gió Đắk N'Đrung 1 |  DNL  | Xã Thuận Hà | 29,25 |
| 26 | Nhà máy điện gió Đắk N'Đrung 2 |  DNL  | Xã Thuận Hạnh | 16,64 |
| 27 | Nhà máy điện gió Đắk N'Đrung 3 |  DNL  | Xã Đắk N'Đrung;Xã Thuận Hạnh | 34,80 |
| 28 | Nghĩa địa giáo xứ Trường Xuân |  NTD  |  Xã Trường Xuân  | 2,00 |
| 29 | QH cây xăng công ty TNHH MTV TMDV Như Quỳnh | TMD | Xã Đắk N'Đrung | 0,04 |
| 30 | Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hà |  DGT  | Xã Nam Bình | 0,50 |
| 31 | Đường GT thôn 7 (Đập Đắk Toa\_0,35 km) |  DGT  | Xã Thuận Hà | 0,10 |
| 32 | Đường GT thôn 3 (đoạn nhà ông Tô Đình Tấp\_1,5 km) |  DGT  | Xã Thuận Hà | 0,45 |
| 33 | Đất ở đô thị, chuyển mục đích đất ở tại đô thị | ODT | TT. Đức An | 0,42 |
| 34 | Quy hoạch 2 khu dân cư dọc hai bên đường vành đai phía Tây Nam | ODT | TT. Đức An | 0,04 |
| 35 | Đấu giá đất tổ dân phố 6, thị trấn Đức An (khu cựu chiến binh) | ODT | TT. Đức An | 1,53 |
| 36 | San ủi mặt bằng khu dân cư TDP 6 (khu nhà công vụ) | ODT | TT. Đức An | 0,86 |
| 37 | Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn | ONT | Xã Đắk Hòa | 0,20 |
| 38 | Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn | ONT | Xã Đắk Môl | 0,13 |
| 39 | Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn | ONT | Xã Đắk N'Đrung | 0,40 |
| 40 | Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn | ONT | Xã Nam Bình | 0,89 |
| 41 | Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn | ONT | Xã Nâm N'Jang | 1,21 |
| 42 | Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn | ONT | Xã Thuận Hà | 0,13 |
| 43 | Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn | ONT | Xã Thuận Hạnh | 0,58 |
| 44 | Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn | ONT | Xã Trường Xuân | 0,98 |

## 2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Song được phê duyệt tại quyết định 2127/QĐ-UBND ngày 15/12/2022. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

**Bảng 2: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022**

*Đơn vị tính: ha.*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Mã** | **Hiện trạng sử dụng đất năm 2021** | **Kế hoạch 2022 được duyệt (ha)** | **Kết quả thực hiện 2022** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích (ha)** | **So sánh** |
| **Tăng (+), giảm (-) (ha)** | **Tỷ lệ (%)** |
| (1) | (2) | (3) |  | (4) | (5) | (6) =(5)-(4) | (7)=(5)/(4)\*100% |
|   | **Tổng diện tích tự nhiên**  |  | **80.646,24** |  **80.646,24** |  **80.646,24**  |  **0,00**  |  |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **75.372,52** |  **74.906,53** |  **75.266,15**  |  **359,63**  |  **100,48**  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 370,02 |  369,99  |  370,02  |  0,03  |  100,01  |
|   | *Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | 92,31 |  92,31  |  92,31  |  -  |  100,00  |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 10.547,01 |  10.504,02  |  10.535,34  |  31,32  |  100,30  |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 47.664,82 |  47.200,67  |  47.570,11  |  368,95  |  100,78  |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.710,04 |  1.706,33  |  1.710,04  |  3,71  |  100,22  |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | 3.585,72 |  3.585,72  |  3.585,72  |  -  |  100,00  |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 10.551,38 |  10.543,82  |  10.551,38  |  7,56  |  100,07  |
|   | *Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* |   | 5.545,52 |  5.545,52  |  5.545,52  |  -  |  100,00  |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 889,70 |  891,70  |  889,70  |  -2,00 |  99,78  |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 53,84 |  103,48  |  53,84  |  -49,64 |  52,03  |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **5.157,89** |  **5.623,91**  |  **5.264,28**  |  **-359,63** |  **93,61**  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 106,48 |  130,47  |  106,48  |  -23,99 |  81,61  |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 8,38 |  9,18 |  8,65  |  -0,53 |  94,23  |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 16,40 |  24,37  |  16,44  |  - 7,93 |  67,46  |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 61,02 |  64,26  |  61,02  |  -3,24 |  94,96  |
| 2.6 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | 7,04 |  7,04  |  7,04  |  -  |  100,00  |
| 2.7 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 25,23 |  25,23  |  25,23  |  -  |  100,00  |
| 2.8 | Đất phát triển hạ tầng | DHT | 2.236,82 |  2.656,78  |  2.336,53  |  -320,25 |  87,95 |
|  *-* | *Đất giao thông* | *DGT* | 1.351,43 |  *1.493,62*  |  1.367,97  |  - 125,65 |  91,59  |
|  *-* | *Đất thuỷ lợi* | *DTL* | 465,40 |  *482,85*  |  465,40  |  -17,45 |  96,39  |
|  *-* | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *DVH* | 2,67 |  *5,63*  |  5,18  |  -0,45 |  92,01  |
|  *-* | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *DYT* | 3,83 |  *3,84*  |  3,83  |  -0,01 |  99,74  |
|  *-* | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo* | *DGD* | 48,31 |  *49,30*  |  48,56  |  - 0,74 |  98,50  |
|  *-* | *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao* | *DTT* | 9,38 |  *7,07*  |  7,07  |  -  |  100,00  |
|  *-* | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | 231,58 |  *480,63*  |  312,27  |  -168,36 |  64,97  |
|  *-* | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | 1,27 |  *1,42*  |  1,30  |  -0,12 |  91,55  |
|  *-* | *Đất có di tích lịch sử văn hóa* | *DDT* | 0,09 |  *2,49*  |  0,09  |  -2,40 |  3,61  |
|  *-* | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | 0,53 |  *2,53*  |  0,53  |  -2,00 |  20,95  |
|  *-* | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | 55,69 |  *56,26*  |  55,69  |  -0,57 |  98,99  |
|  *-* | *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ* | *NTD* | 63,40 |  *67,40*  |  65,40  |  -2,00 |  97,03  |
|  *-* | *Đất chợ* | *DCH* | 3,24 |  *3,74*  |  3,24  |  -0,50 |  86,63  |
| 2.10 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 10,68 |  11,10  |  10,68  |  -0,42 | 96,22 |
| 2.11 | Đất vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 1,15 |  1,27  |  1,15  |  -0,12  |  100,93  |
| 2.12 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 801,94 |  807,62  |  806,42  |  -1,20 |  99,85  |
| 2.13 | Đất ở tại đô thị | ODT | 68,06 |  76,31  |  70,05  |  -6,26 |  91,80  |
| 2.14 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 13,16 |  12,87  |  12,99  |  0,12  |  100,93  |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 0,73 |  0,47  |  0,73  |  0,26  |  155,32  |
| 2.16 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối  | SON | 1.770,49 |  1.766,48  |  1.770,41  |  3,93  |  100,22  |
| 2.17 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 30,46 |  30,46  |  30,46  |  -  |  -  |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** |  **115,83** |  **115,81**  |  **115,81**  |  **-**  |  **-**  |

*Nguồn: Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 và kết quả đất đai ước thực hiện đạt tính đến 31/12/2022.*

**a) Nhóm đất nông nghiệp**

- Hiện trạng năm 2021 diện tích đất nông nghiệp 74.092,85 ha.

- Hiện trạng thực hiện Năm 2022, diện tích đất nông nghiệp có 75.266,15 ha; chiếm 93,33% diện tích tự nhiên.

Diện tích đất nông nghiệp hiện trạng 2021 so với hiện trạng năm 2022 giảm 106,37 ha; so với kế hoạch được duyệt năm 2022 (75.265,65 ha) cao hơn 359,63 ha. Các chỉ tiêu cụ thể đất nông nghiệp thực hiện như sau:

\* Đất trồng lúa:

- Năm 2021 diện tích đất trồng lúa 370,02 ha.

- Năm 2022 diện tích đất trồng lúa 370,02 ha, chiếm 0,49% đất nông nghiệp.

Diện tích đất trồng lúa năm 2022 so với năm 2021 không biến động;

Diện tích thực hiện năm 2022 so với kế hoạch được duyệt năm 2022 (369,99 ha) cao hơn 0,03 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện do chưa thực hiện công trình có sử dụng vào đất lúa: xây dựng tuyến kênh thôn 3 xã Thuận Hà trong kế hoạch năm 2022 dự kiến giảm 0,03 ha đất lúa.

\* Đất trồng cây hàng năm khác:

- Năm 2021 diện tích đất trồng cây hàng năm khác 10.547,01 ha.

- Năm 2022 diện tích đất trồng cây hàng năm khác 10.535,34 ha, chiếm 14,00% đất nông nghiệp.

Diện tích thực hiện năm 2022 so với kế hoạch được duyệt năm 2022 (10.504,02 ha) cao hơn 31,32 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện do chưa thực hiện được kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm qua đất phi nông nghiệp trên địa bàn toàn huyện theo kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2022 giảm 11,67 ha so với năm 2021.

\* Đất trồng cây lâu năm:

- Năm 2021 diện tích đất trồng cây lâu năm 47.664,82 ha.

- Năm 2022 diện tích đất trồng cây lâu năm 47.570,11, chiếm tỷ lệ 63,20% diện tích đất nông nghiệp.

Diện tích đất trồng cây lâu năm 2022 so với năm 2021 giảm 94,70 ha;

Diện tích thực hiện năm 2022 so với kế hoạch được duyệt năm 2022 (47.200,67 ha) cao hơn 368,95 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện được kế hoạch chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm qua đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp trên địa bàn toàn huyện theo kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất trồng cây lâu năm 2022 giảm 94,70 ha so với năm 2021.

\* Đất rừng phòng hộ:

Diện tích là 1.710,04 ha, chiếm 2,27% diện tích đất nông nghiệp; năm 2022 diện tích đất rừng phòng hộ không thay đổi so với năm 2021; cao hơn 3,71 ha so với kế hoạch được duyệt năm 2022, diện tích thực hiện cao hơn do chưa thực hiện công trình chuyển mục đích sang đất quốc phòng.

\* Đất rừng đặc dụng:

Diện tích là 3.585,72 ha, chiếm 4,76% diện tích đất nông nghiệp; năm 2022 diện tích đất rừng đặc dụng không thay đổi so với năm 2021; theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất rừng đặc dụng được giữ nguyên theo hiện trạng 2021.

\* Đất rừng sản xuất:

Diện tích là 10.551,38 ha, chiếm 14,02% diện tích đất nông nghiệp; năm 2022 diện tích đất rừng sản xuất không thay đổi so với năm 2021, so với kế hoạch được duyệt năm 2022 (10.543,82 ha) cao hơn 7,56 ha. Diện tích thực tế cao hơn do chưa triển khai các công trình có sử dụng đất rừng.

\* Đất nuôi trồng thủy sản:

Diện tích là 889,70 ha, chiếm 1,18% diện tích đất nông nghiệp; năm 2022 diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi so với năm 2021, so với kế hoạch được duyệt năm 2022 (891,70 ha) thấp hơn 2,00 ha. Diện tích thực tế thấp hơn do chưa chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm sang đất nuôi trồng thủy sản.

\* Đất nông nghiệp khác:

Diện tích là 53,84 ha, chiếm 0,07% diện tích đất nông nghiệp; năm 2022 diện tích đất nông nghiệp khác không thay đổi so với năm 2021, so với kế hoạch được duyệt năm 2022 (103,48 ha) thấp hơn 49,64 ha.

**b) Nhóm đất phi nông nghiệp:**

- Diện tích năm 2021 là 5.157,89 ha.

- Diện tích năm 2022 có 5.264,28 ha, chiếm 6,53% diện tích tự nhiên. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất phi nông nghiệp tăng 466,02 ha để thực hiện công trình, dự án. Kết quả thực hiện, tăng 106,39 ha để thực hiện dự án, đạt 22,83%. Cụ thể:

\* Đất quốc phòng:

- Năm 2022 diện tích đất quốc phòng là 106,48 ha, chiếm 2,02% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất quốc phòng năm 2022 không biến động so với năm 2021; so với kế hoạch được phê duyệt năm 2022 (130,47 ha) thấp hơn 23,99 ha.

\* Đất an ninh:

- Năm 2021 diện tích đất an ninh là 8,38 ha.

- Năm 2022 diện tích đất an ninh là 8,65 ha, chiếm 0,16% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất an ninh năm 2022 so với năm 2021 tăng 0,27 ha do thực hiện các công trình an ninh: Trụ sở công an xã Nam Bình (0,04 ha); Trụ sở công an xã Thuận Hà (0,10 ha); Trụ sở công an xã Thuận Hạnh (0,13 ha).; so với kế hoạch được phê duyệt năm 2022 (9,18 ha) thấp hơn 0,80 ha.

\* Đất thương mại dịch vụ:

- Năm 2021 diện tích đất thương mại dịch vụ là 16,40 ha.

- Năm 2022 diện tích đất thương mại dịch vụ là 16,44 ha, chiếm 0,31% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất thương mại dịch vụ năm 2022 so với năm 2021 tăng 0,04 ha; so với kế hoạch được phê duyệt năm 2022 (24,37 ha) thấp hơn 7,97 ha.

\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

- Năm 2021 diện tích cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 61,02 ha.

- Năm 2022 diện tích cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 61,02 ha, chiếm 1,16% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Diện tích cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2022 không thay đổi so với năm 2021; so với kế hoạch được phê duyệt năm 2022 (64,24 ha) thấp hơn 3,24 ha.

\* Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

- Năm 2021 diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 7,04 ha.

- Năm 2022 diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 7,04 ha, chiếm 0,13% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2022 không thay đổi so với năm 2021; bằng so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt năm 2022.

\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

- Năm 2021 diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 25,23 ha.

- Năm 2022 diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 25,23 ha, chiếm 0,48% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2022 không thay đổi so với năm 2021; bằng so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt năm 2022.

\* Đất phát triển hạ tầng:

- Năm 2021 diện tích đất phát triển hạ tầng là 2.236,82 ha.

- Năm 2022 diện tích đất phát triển hạ tầng là 2.336,53 ha, chiếm 44,38% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất phát triển hạ tầng năm 2022 so với năm 2021 tăng 99,71 ha; so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt năm 2022 (2.656,78 ha) thấp hơn 419,96 ha.

Cụ thể kết quả các loại đất phát triển hạ tầng biến động như sau:

+ Đất giao thông: Diện tích năm 2022 có 1.367,97 ha, chiếm 25,99% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 16,54 ha so với năm 2021; thấp hơn 125,65 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022..

+ Đất thủy lợi: Diện tích năm 2022 có 465,40 ha, chiếm 8,84% diện tích đất phi nông nghiệp; không biến động so với năm 2021; thấp hơn 17,45 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích năm 2022 có 5,18 ha, chiếm 0,10% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 2,51 ha so với năm 2021; thấp hơn 0,45 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

+ Đất cơ sở y tế: Diện tích năm 2022 có 3,83 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp; không thay đổi với năm 2021; thấp hơn 0,01 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: Diện tích năm 2022 có 48,56 ha, chiếm 0,92% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 0,25 ha với năm 2021; thấp hơn 0,74 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao: Diện tích năm 2022 có 7,07 ha, chiếm 0,13% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 2,51 ha với năm 2021; thấp hơn 9,38 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích năm 2022 có 312,27 ha, chiếm 5,93% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 80,69 ha với năm 2021; thấp hơn 168,36 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022 do chưa thực hiện các công trình đất năng lượng.

+ Đất bưu chính viễn thông: Diện tích năm 2022 có 1,30 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 0,03 ha với năm 2021; thấp hơn 0,12 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022. Diện tích năm 2022 tăng 0,03 ha so với năm 2021 do thực hiện Chuyển vị trí bưu điện xã (lấy từ đất công ích của xã) tại xã Thuận Hạnh.

+ Đất có di tích lịch sử văn hóa: Diện tích năm 2022 có 0,09 ha; không thay đổi với năm 2021; thấp hơn 2,40 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích năm 2022 có 0,53 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp; không thay đổi với năm 2021; thấp hơn 2,00 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích năm 2022 có 55,69 ha, chiếm 1,06% diện tích đất phi nông nghiệp; không thay đổi với năm 2021; thấp hơn 0,57 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích năm 2022 có 65,40 ha, chiếm 1,24% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 2,00 ha với năm 2021; thấp hơn 2,00 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022. Diện tích năm 2022 tăng 2,00 ha so với năm 2021 do thực hiện Nghĩa địa giáo xứ xã Trường Xuân.

+ Đất chợ: Diện tích năm 2022 có 3,24 ha, chiếm 0,06% diện tích đất phi nông nghiệp; không thay đổi so với năm 2021; thấp hơn 0,50 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

\* Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích năm 2022 có 10,68 ha, chiếm 0,20% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 0,15 ha so với năm 2021; thấp hơn 0,42 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022.

\* Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích năm 2022 có 1,15 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp; không thay đổi so với năm 2021; thấp hơn 0,12 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022 do chưa thực hiện: khu vui chơi ở xã Trường Xuân.

\* Đất ở tại nông thôn: Diện tích năm 2022 có 806,42 ha, chiếm 15,32% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 4,48 ha so với năm 2021 do thực hiện chuyển mục đích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; thấp hơn 5,68 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022 do chưa thực hiện: các công trình đấu giá.

\* Đất ở tại đô thị: Diện tích năm 2022 có 70,05 ha, chiếm 1,33% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 1,99 ha so với năm 2021; thấp hơn 8,25 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022 do chưa thực hiện: các công trình đấu giá.

\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích năm 2022 có 12,99 ha, chiếm 0,25% diện tích đất phi nông nghiệp; giảm 0,17 ha so với năm 2021; thấp hơn 0,29 ha so với chỉ tiêu kế hoạch đã duyệt năm 2022 do chưa thực hiện: trụ sở công an các xã và nhà văn hóa xã Đắk Môl. Kết quả thực hiện được 02 dự án/0,17 ha: Trụ sở công an xã Nam Bình và nhà văn hóa xã Đắk Môl.

\* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích năm 2022 có 0,73 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp; không biến động so với năm 2021; cao hơn 0,26 ha so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện được công trình đấu giá: Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân, tại xã Thuận Hạnh.

\* Đất sông ngòi, suối, kênh,:

- Diện tích đất sông, ngòi, suối, kênh năm 2021 có 1.770,49 ha.

- Diện tích năm 2022 có 1.770,41 ha, chiếm 33,63% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Diện tích đất sông ngòi, suối, kênh năm 2022 so với năm 2021 giảm 0,08 ha; so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt năm 2022 (1.766,48 ha) cao hơn 4,01 ha.

\* Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích năm 2022 có 30,46 ha, chiếm 0,58% diện tích đất phi nông nghiệp. Không biến động so với năm 2021 và kế hoạch được duyệt năm 2022.

**c. Đất chưa sử dụng:**

Năm 2022 diện tích đất chưa sử dụng có 115,81 ha, chiếm 0,14% diện tích tự nhiên. Diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 so với năm 2021 giảm 0,02 ha (để thực hiện công trình Trụ sở công an xã Thuận Hạnh); bằng với với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt năm 2022 (115,81 ha).

### 3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

Căn cứ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Song đã được phê duyệt tại Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông. Căn cứ kết quả thống kê đất đai năm 2021 và kết quả thực hiện các danh mục công trình, dự án năm 2022.Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 như sau:

**Bảng 3: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất**

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Kế hoạch phê duyệt (ha)** | **Kết quả thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích (ha)** | **Tăng giảm (+/-)** | **Tỷ lệ (%)** |
| **1** | **Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp** | **NNP/PNN** | **466,00** | **106,37** | **-359,63** | **22,83** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA/PNN | 0,03 | 0,00 | -0,03 | 0,00 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK/PNN | 35,83 | 11,67 | -24,17 | 32,56 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN/PNN | 418,87 | 94,71 | -324,17 | 22,61 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH/PNN | 3,71 | 0,00 | -3,71 | 0,00 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX/PNN | 7,56 | 0,00 | -7,56 | 0,00 |
| **2** | **Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp** |  | **2,00** | **0,00** | **-2,00** | **0,00** |
| **3** | **Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở** | **PKO/OCT** | **1,85** | **0,00** | **-1,85** | **0,00** |

Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 được thể hiện trong bảng trên. Cụ thể:

a. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp chỉ tiêu được duyệt là 466,00 ha, đã thực hiện 106,37 ha, diện tích chưa thực hiện 359,63 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 0,03 ha, chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 35,83 ha, đã thực hiện được 11,67 ha, thực hiện đạt 32,56% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 418,87 ha, đã thực hiện được 94,71 ha, thực hiện đạt 22,61% so với kế hoạch được duyệt;

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 3,71 ha, chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

- Đất rừng sản xuất chuyển sang phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 7,56 ha, chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt;

b. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp chỉ tiêu được duyệt là 2,00 ha, chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

c. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở:

Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở theo kế hoạch được duyệt là 1,85 ha, chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

### 4. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022

Kết quả thực hiện thu hồi diện tích đất năm 2022 thực hiện các dự án theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Song được thể hiện dưới bảng sau:

*\* Đánh giá kết quả thực hiện công trình dự án trong Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 (10 danh mục) của HĐND tỉnh trên địa bàn huyện Đắk Song:*

\* Trong năm 2022, trên địa bàn huyện Đắk Song chưa thực hiện được công trình thu hồi đất nào.

\* Số lượng công trình, dự án thu hồi đất chưa thực hiện hủy bỏ không chuyển tiếp năm 2023 là 04 dự án, tổng diện tích là 56,70 ha. Cụ thể nguyên nhân từng công trình, dự án như sau:

**Bảng 4: Tổng số công trình, dự án thu hồi đất năm 2022 đề nghị hủy bỏ không đưa vào danh mục thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

| **Số TT**  | **Danh mục công trình, dự án** | **Mã loại đất** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** | **Nguyên nhân** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |
| 1 | Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi xã Trường Xuân và xã Nâm N'jang, huyện Đắk Song |  DGT  | 34,50 | Xã Trường Xuân, xã Nâm N'jang | Chưa được thông qua NQ |  |
| 2 | Đường giao thông từ Quốc lộ 14 vào cầu thôn 2 xã Trường Xuân huyện Đắk Song, kết nối với dường phía Tây thủy điện Đắk R'tih dến xã Đắk R’moan |  DGT  | 6,60 | Xã Trường Xuân | Chưa được thông qua NQ |  |
| 3 | Nâng cấp dường giao thông liên xã Nâm N'Jang và xã Đắk N'Drung. huyện Đắk Song |  DGT   | 6,60 | Xã Nâm N'Jang, xã Đăk N'Drung | Chưa được thông qua NQ |  |
| 4 | Đường giao thông từ Trung tâm huyện Đắk Song di xã Thuận Hà, xã Đắk N'Drung | DGT | 9,00 | Xã Thuận Hà và xã Đắk N'Drung | Chưa được thông qua NQ |  |
|  |
|  | **Tổng** |  | **56,70** |  |  |  |

\* Số lượng công trình, dự án chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2023:

Công trình dự án thu hồi chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023 là 06 công trình, trong đó: 04 công trình, dự án đã được thông qua tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 với diện tích 46,30 ha và 02 công trình chưa thông qua nghị quyết thu hồi nhưng đã có nguồn vốn, sẽ đề nghị bổ sung vào nghị quyết thu hồi trong kỳ họp Hội đồng nhân dân tiếp theo với diện tích 23,50 ha Cụ thể như sau:

**Bảng 5: Danh mục công trình thu hồi chuyển tiếp sang năm 2023**

| **STT** | **Danh mục, công trình** | **Cấp xã** | **Mã** | **Diện tích(ha)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cài tạo, nâng cấp Tinh lộ 2 | Xã Đắk Môl; Đắk Hòa; Nam Bình | DGT | 21,4 |
| 2 | Hồ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tinh Đắk Nông | Xã trường xuân; xã Đắk N’Drung | DGT | 2,00 |
| 3 | Mớ rộng khuôn viên trường mẫu giáo Hoa Mai | Xã Thuận Hạnh | DGT | 0,2 |
| 4 | Nhà máy điện gió Asia Đắk Song 1 | Xã Nam Bình | DGT | 22,7 |
|  | Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh | Xã Nam Bình; Xã Thuận Hạnh | DGT | 3,50 |
|  | Đường giao thông liên xã Nâm N'Jang - Trường Xuân - Đắk N'Drung | Xã Nâm N'Jang, xã Đắk N'Drung. xã Trường Xuân | DGT | 20,20 |
|  | **Tổng** |  |  | **70,00** |

## 5. Kết quả thực hiện đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022

Năm 2022, huyện Đắk Song đăng ký kế hoạch đưa đất chưa sử dụng để sử dụng là 0,02 ha; kết quả đã thực hiện.

**6. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022**

***a. Kết quả đạt được và những tồn tại trong thực hiện kế hoạch năm 2022.***

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2022 của huyện đã theo sát theo Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Song và đã đạt được những thành quả nhất định:

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp tỉnh, huyện, cấp xã.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Bên cạnh những mặt đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

*-* Một số chỉ tiêu thực hiện đạt thấp so với kế hoạch được duyệt: Trong năm 2022 đã thực hiện được 44/166 danh mục công trình, dự án với tổng diện tích 115,50/466,02 ha, đạt 26,50% về số lượng, đạt 24,78% về diện tích. Các chỉ tiêu chưa đạt hoặc đạt tỷ lệ thấp một số công trình đăng ký trong kế hoạch có diện tích thực hiện tương đối lớn, thủ tục phức tạp, chi phí đền bù - GPMB cao như các dự án điện gió (235,69 ha) và các dự án chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác tại địa bàn các xã với diện tích 42,60 ha..; một số đất phục vụ cho mục đích phát triển hạ tầng phụ thuộc vào nguồn vốn từ ngân sách.

- Một số dự án, công trình có quy mô diện tích lớn nhưng tiến độ thực hiện chậm, kéo dài dẫn đến ảnh hưởng đến chỉ tiêu kết quả thực hiện trong năm kế hoạch.

- Các công trình dự án khi đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất đều đăng ký diện tích lớn do chưa triển khai đo đạc được cụ thể diện tích từng công trình dự án ngoài thực địa do đó khi triển khai diện tích lại thấp hơn kế hoạch đưa ra khá lớn dẫn đến chỉ tiêu thực hiện thấp so với kế hoạch được duyệt.

- Các đơn vị sử dụng đất đăng ký nhiều công trình dự án sử dụng vốn dự án giảm nghèo, vốn chương trình mục tiêu quốc gia nhưng chưa cân đối được cụ thể nguồn vốn có được dẫn đến nhiều công trình dự án đăng ký không thực hiện được.

- Việc bố trí vốn để thực hiện dự án nhất là bố trí nguồn kinh phí để làm công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn thiếu và chậm nên việc triển khai dự án chưa đáp ứng được danh mục thực hiện như đã phê duyệt.

- Công tác thu hồi, giao đất... triển khai chậm dẫn đến các thủ tục pháp lý chưa hoàn thành nên phải tiếp tục chuyển tiếp qua năm kế hoạch 2023 để triển khai thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý.

- Các dự án sử dụng ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh khi xây dựng Kế hoạch sử dụng đất chủ dự án có văn bản đăng ký sử dụng đất trong năm 2022 với đầy đủ văn bản về chủ trương, nguồn vốn thực hiện nhưng đến nay chủ dự án triển khai chậm so với tiến độ đăng ký.

***b. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.***

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

- Do quy trình lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 kéo dài, nên kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện đến giữa tháng 12 năm 2022 mới được phê duyệt dẫn đến ảnh hưởng tiến độ thực hiện của các công trình dự án.

- Các dự án đầu tư chậm triển khai thực hiện do thiếu vốn, dịch bệnh.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của một số ngành có liên quan đến sử dụng đất phi nông nghiệp còn nặng về định hướng lâu dài mà chưa cân nhắc đầy đủ đến khả năng thực hiện trong năm kế hoạch nên dẫn đến mức độ thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đặc biệt là các loại đất liên quan đến quốc phòng, an ninh, đất phát triển hạ tầng.

- Các ngành, các cấp, các cơ quan đơn vị khi đăng ký nhu cầu sử dụng đất không tính toán kỹ, thiếu tính khả thi của dự án. Một số dự án khi đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn mang tính chủ quan, chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị về vốn đầu tư, làm cho việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn,... nhất là các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước nên đạt tỷ lệ không cao.

- Chính sách pháp luật về đất đai có nhiều thay đổi, đặc biệt là thay đổi liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thiếu quy phạm, chế tài cụ thể để xử lý những phát sinh trong thực tế.

  ***c. Bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022:***

- Kế hoạch sử dụng đất cần thực hiện theo đúng quy trình; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Đắk Song, cũng như các quy hoạch nghành *(quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông...)*. Kế hoạch sử dụng đất cần lường hết được những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư, tránh quy hoạch treo không thực hiện được hoặc việc bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần đảm bảo minh bạch, công khai và dân chủ; quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch cần có sự tham gia và ý kiến phản hồi của của người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng đất.

- Các quy định của pháp luật về quản lý đất đai nói chung và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng, cần kịp thời cập nhật, thông tin và truyền thông đầy đủ và kịp thời cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Các thủ tục hành chính về đất đai cần được hướng dẫn cụ thể và thực hiện đầy đủ.

- Các thủ tục hành chính về đất đai cần chấp hành đẩy đủ theo trình tự, quy định, tránh để tồn đọng các giấy tờ, đây cũng là bài học hạn chế việc quản lý và sử dụng đất đai trái pháp luật

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án nằm trong năm kế hoạch được duyệt cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hổ trợ, tái định cư cho UBND huyện để thực hiện các dự án thu hồi đất. Phối hợp chặt chẽ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.. và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án. Đối với các dự án sử dụng đất đề nghị đơn vị chủ quản sử dụng tập trung thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai trong năm kế hoạch 2023.

- Bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc chỉnh lý bản đồ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính để tạo thuận lợi cho việc quản lý nhà nước về đất đai một cách hiệu quả, khoa học, đúng pháp luật, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh trên huyện Đắk Song.

# PHẦN II:

# LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

## 1. Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2023

Các chỉ tiêu sử dụng đất đưa vào KHSDĐ năm 2023 được xác lập dựa trên các cơ sở sau đây:

- Quyết định 2078/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 2127/QĐ-UBND, ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Song.

- Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng trong năm 2023; dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Các công trình dự án đưa vào kế hoạch năm 2022 chưa thực hiện được rà soát chuyển qua thực hiện năm 2023 và công trình đề xuất mới năm 2023; và căn cứ định hướng phát triển kinh tế hội của huyện Đắk Song năm 2023.

Qua đăng kí nhu cầu sử dụng đất năm 2023 của các phòng, ban của huyện và UBND các xã, thị trấn, cũng như các cơ quan đơn vị trên địa bàn; kết hợp quá trình điều tra, khảo sát thực địa; các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong Kế hoạch sử dung đất năm 2023 của huyện Đắk Song là 80 công trình. Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 68 công trình, dự án. Công trình, dự án và nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện đăng ký mới trong năm 2023 là 12 công trình, dự án. Trong đó:

+ Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh: 03 công trình, dự án;

+ Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất: 10 công trình (trong đó: 08 công trình đã được thông qua tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông và 02 danh mục sẽ đề nghị bổ sung danh mục thu hồi đất tại kỳ họp hội đồng nhân dân tiếp theo);

+ Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất: 44 công trình;

+ Công trình dự án sử dụng đất khác: 22 công trình;

+ Công trình dự án kêu gọi đầu tư: 02 công trình.

## 2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng các loại đất năm 2023 như sau:

**Bảng 6: Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích hiện trạng 2022** | **Kế hoạch năm 2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng diện tích (ha)** | **Cơ cấu (%)** | **Tăng, giảm (+), (-)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(5-4) |
| **I** | **Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)** |  | **80.646,24**  | **80.646,24**  | **100,00**  | **0,00**  |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **75.266,15** | **75.060,75**  | **93,07**  | **-205,40** |
| 1.1 | Đất trồng lúa  | LUA | 370,02  | 370,02  | 0,46  | 0,00  |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | 92,31  | 92,31  | 0,11  | 0,00  |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 10.535,34  | 10.513,31  | 13,04  | -22,03  |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 47.570,11 | 47.342,44 | 58,70  | -227,67 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.710,04  | 1.710,04  | 2,12  | 0,00  |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | 3.585,72  | 3.585,72  | 4,45  | 0,00  |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 10.551,38  | 10.551,08  | 13,08  | 0,30  |
|  | *Trong đó: Đất rừng SX là rừng TN* | RSN | 5.545,52  | 5.545,52  | 6,88  | 0,00  |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 889,70  | 891,70  | 1,11  | 2,00  |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 53,84  | 96,44  | 0,12  | 42,60  |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **5.264,28**  | **5.469,68** | **6,78**  | **-205,40** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 106,48  | 106,48  | 0,13  | 0,00  |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 8,65  | 8,86  | 0,01  | 0,21  |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 16,44  | 22,77  | 0,03  | 6,33  |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 61,02  | 64,26  | 0,08  | 3,24  |
| 2.6 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | 7,04  | 7,04  | 0,01  | 0,00  |
| 2.7 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 25,23  | 25,23  | 0,03  | 0,00  |
| 2.8 | Đất phát triển hạ tầng | DHT | 2.336,53  | 2.512,90  | 3,12  | 176,37  |
|  - | *Đất giao thông* | *DGT* | 1.367,97  | 1.487,07  | 1,84  | 119,10  |
|  - | *Đất thuỷ lợi* | *DTL* | 465,40  | 466,62  | 0,58  | 1,22  |
|  - | *Đất cơ sở văn hóa* | *DVH* | 5,18  | 5,63  | 0,01  | 0,45  |
|  - | *Đất cơ sở y tế* | *DYT* | 3,83  | 3,71  | 0,00  | -0,12  |
|  - | *Đất cơ sở giáo dục đào tạo* | *DGD* | 48,56  | 48,40  | 0,06  | -0,16  |
|  - | *Đất cơ sở thể dục thể thao*  | *DTT* | 7,07  | 7,07  | 0,01  | 0,00  |
|  - | *Đất xây dựng CT năng lượng* | *DNL* | 312,27  | 365,77  | 0,45  | 53,50  |
|  - | *Đất bưu chính viễn thông* | *DBV* | 1,30  | 1,42  | 0,00  | 0,12  |
|  - | *Đất có di tích lịch sử văn hóa* | *DDT* | 0,09  | 0,09  | 0,00  | 0,00  |
|  - | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | 0,53  | 0,53  | 0,00  | 0,00  |
|  - | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | 55,69  | 55,96  | 0,07  | 0,27  |
|  - | *Đất làm nghĩa trang,NĐ,TL,HT* | *NTD* | 65,40  | 67,40  | 0,08  | 2,00  |
|  - | *Đất chợ* | *DCH* | 3,24  | 3,24  | 0,00  | 0,00  |
| 2.10 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 10,68  | 11,10  | 0,01  | 0,42  |
| 2.11 | Đất vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 1,15  | 1,15  | 0,00  | 0,00  |
| 2.12 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 806,42  | 819,44  | 1,02  | 13,02  |
| 2.13 | Đất ở tại đô thị | ODT | 70,05  | 76,16  | 0,09  | 6,11  |
| 2.14 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 12,99  | 12,99  | 0,02  | 0,00  |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 0,73  | 0,47  | 0,00  | -0,26  |
| 2.17 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối  | SON | 1.770,41  | 1.770,37  | 2,20  | -0,04  |
| 2.18 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 30,46  | 30,46  | 0,04  | 0,00  |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **115,81**  | **115,81**  | **0,14**  | **0,00**  |

**2.1. Đất nông nghiệp**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất nông nghiệp là 75.060,75 ha, chiếm 93,07% tổng diện tích tự nhiên, giảm 205,40 ha so với hiện trạng năm 2022 để chuyển qua các mục đích đất phi nông nghiệp. Cụ thể, các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp của huyện trong kế hoạch năm 2023 như sau:

+ Đất trồng lúa: Trong năm kế hoạch 2023, diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng giữ nguyên diện tích 370,02 ha chiếm 0,46% diện tích tự nhiên;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Trong năm kế hoạch 2023 diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 10.514,80 ha, giảm 22,03 ha so với hiện trạng năm 2022. Diện tích giảm để chuyển đổi sang đất nuôi trồng thủy sản là 2,00 ha; sang đất nông nghiệp khác 3,86 ha; chuyển sang đất thương mại 0,28 ha; sang đất năng lượng là 6,19 ha; sang đất giao thông là 6,65 ha; sang đất nghĩa trang, nghĩa địa là 2,00 ha; sang đất ở tại nông thôn là 0,80 ha; sang đất ở đô thị là 0,25 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: Trong năm kế hoạch 2023 diện tích đất trồng cây lâu năm là 47.342,44 ha, giảm 227,67 ha so với hiện trạng năm 2022. Diện tích giảm để chuyển đổi sang đất nông nghiệp khác 38,74 ha và đất phi nông nghiệp 188,93 ha.

+ Đất rừng phòng hộ: Trong năm kế hoạch 2023, diện tích rừng phòng hộ không thay đổi mục đích sử dụng giữ nguyên diện tích 1.710,04 ha, chiếm 2,12% diện tích tự nhiên.

+ Đất rừng đặc dụng: Trong năm kế hoạch 2023, diện tích rừng đặc dụng không thay đổi mục đích sử dụng giữ nguyên diện tích 3.585,72 ha, chiếm 4,45% diện tích tự nhiên.

+ Đất rừng sản xuất: Trong năm kế hoạch 2023, diện tích đất rừng sản xuất là 10.551,08 ha, giảm 0,30 ha so với hiện trạng năm 2022, chiếm 13,08% diện tích tự nhiên*.*Diện tích giảm để thực hiện đường giao thông.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Trong năm kế hoạch 2023 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 891,70 ha, tăng 2,00 ha so với hiện trạng năm 2022. Chuyển từ đất trồng cây hàng năm sang 2,00 ha.

+ Đất nông nghiệp khác: Trong năm kế hoạch 2023 diện tích là 96,44 ha, tăng 42,60 ha so với hiện trạng năm 2022 (chuyển từ cây hàng năm qua 3,86 ha và cây lâu năm qua là 38,74 ha).

**Bảng 7: Nhu cầu các công trình đất nông nghiệp khác**

| **STT** | **Hạng Mục** | **CT-DA chuyển tiếp/ĐKM** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm (đến cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đất nông nghiệp khác xã Đắk Hòa | Chuyển tiếp | 8,40 | Xã Đắk Hòa |
| 2 | Đất nông nghiệp khác xã Đắk Môl | Chuyển tiếp | 1,55 | Xã Đắk Môl |
| 3 | Đất nông nghiệp khác xã Đắk N'Đrung | Chuyển tiếp | 4,56 | Xã Đắk N'Đrung |
| 4 | Đất nông nghiệp khác xã Nam Bình | Chuyển tiếp | 5,00 | Xã Nam Bình |
| 5 | Đất nông nghiệp khác xã Nâm N'Jang | Chuyển tiếp | 9,18 | Xã Nâm N'Jang |
| 6 | Đất nông nghiệp khác xã Thuận Hà | Chuyển tiếp | 1,66 | Xã Thuận Hà |
| 7 | Đất nông nghiệp khác xã Thuận Hạnh | Chuyển tiếp | 5,00 | Xã Thuận Hạnh |
| 8 | Đất nông nghiệp khác xã Trường Xuân | Chuyển tiếp | 7,25 | Xã Trường Xuân |
|   | **Tổng** |   | **42,60** |  |

**2.2. Đất phi nông nghiệp:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chỉ tiêu đất phi nông nghiệp là 5.469,68 ha, chiếm 6,78% tổng diện tích tự nhiên, tăng 205,40 ha so với hiện trạng năm 2022. Các chỉ tiêu cụ thể sử dụng đất phi nông nghiệp của huyện năm 2023, như sau:

+ Đất quốc phòng: Diện tích năm 2023 có 106,48 ha. Chiếm 0,13% diện tích tự nhiên không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất an ninh:

- Diện tích năm 2023 có 8,86 ha, tăng 0,21 ha so với năm 2022

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất an ninh: 0,21 ha, chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,1 ha, đất cơ sở giáo dục – đào tạo 0,11 ha. Trong năm kế hoạch 2023, nhu cầu các công trình đất an ninh sau:

**Bảng 8: Nhu cầu các công trình đất an ninh**

| **STT** | **Hạng Mục** | **CT-DA chuyển tiếp/ĐKM** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm (đến cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trụ sở công an xã Đắk Hòa | Chuyển tiếp | 0,11 | Xã Đắk Hòa |
| 2 | Trụ sở công an xã Đắk Môl | Chuyển tiếp | 0,10 | Xã Đắk Môl |

+ Đất thương mại dịch vụ:

- Diện tích năm 2022 có 16,44 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 15,58 ha. Giảm 0,86 ha để chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị để bán đấu giá quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thương mại, dịch vụ: 7,19 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm 0,28 ha, đất trồng cây lâu năm 6,61 ha và chuyển từ đất ở tại nông thôn 0,30 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 22,77 ha, tăng 6,33 ha so với năm 2022.

Trong năm kế hoạch 2023, nhu cầu các công trình đất thương mại, dịch vụ sau:

**Bảng 9: Nhu cầu các công trình đất thương mại, dịch vụ**

| **STT** | **Hạng Mục** | **Chuyển tiếp/Đăng ký mới** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm (đến cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | QH đất thương mại dịch vụ tại thôn 10 | Chuyển tiếp |  0,56  | Xã Nam Bình |
| 2 | Trung tâm thông tin Công viên địa chất Toàn cầu Unesco Đắk Nông | Chuyển tiếp |  0,55  | Xã Nâm N'Jang |
| 3 | Điểm du lịch trang trại gà rừng và hoa hồng | Chuyển tiếp |  1,50  | Xã Nâm N'Jang |
| 4 | Khu Du Lịch sinh thái cầu 20 | Chuyển tiếp |  1,50  | Xã Nâm N'Jang |
| 5 | QH cây xăng thôn Đắk Lư | Chuyển tiếp |  0,04  | Xã Nâm N'Jang |
| 6 | QH cây xăng thôn 3 | Chuyển tiếp |  0,04  | Xã Thuận Hà |
| 7 | QH cây xăng bản Đắk Thốt | Chuyển tiếp |  0,04  | Xã Thuận Hà |
| 8 | QH cây xăng thôn 5 | Chuyển tiếp |  0,04  | Xã Thuận Hà |
| 9 | QH cây xăng thôn Thuân Lơi | Chuyển tiếp |  0,04  | xã Thuận Hạnh |
| 10 | Đấu giá khu đất thuộc thôn 10 xã Nâm N'jang (2 thửa) | Đăng ký mới |  0,25  | Xã Nâm N'Jang |
| 11 | Khu đất tại khu vực WT79 thuộc thôn Thuận Tân xã Thuận Hạnh (3 thửa) | Đăng ký mới |  2,63  | Xã Thuận Hạnh |
| 12 | Đất thương mại dịch vụ (Điểm du lịch gắn với phát triển điện gió) | Đăng ký mới |  1,98  | Xã Thuận Hạnh |

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

- Diện tích năm 2022 có 61,02 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 60,40 ha. Giảm 0,62 ha để chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn để bán đấu giá quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 3,86 ha, chuyển từ đất trồng cây lâu năm.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 64,26 ha, tăng 3,24 ha so với năm 2022.

Trong năm kế hoạch 2023, nhu cầu các công trình cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sau:

**Bảng 10: nhu cầu các công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

| **STT** | **Hạng Mục** | **Chuyển tiếp/****đăng ký mới** |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm (cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  |
| 1 | QH xây dựng trạm cấp nước tập trung TT.Đức An | Chuyển tiếp | 0,80 | TT. Đức An |
| 2 | Nhà máy chế biến khoai lang, rau, củ, quả | Chuyển tiếp | 3,00 | Xã Thuận Hà |
| 3 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại thôn 10 | Chuyển tiếp | 0,06 | Xã Nam Bình |
|  | **Tổng** |  | **3,86** |  |

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích kế hoạch năm 2023 có 7,04 ha chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên. Trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích kế hoạch năm 2023 có 25,23 ha chiếm 0,03% diện tích đất tự nhiên. Trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất phát triển hạ tầng:

- Diện tích năm 2022 có 2.336,53 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.335,88 ha, giảm 0,65 ha do chuyển sang đất an ninh 0,11 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,30 ha, đất ở tại nông thôn 0,12 ha, đất ở tại đô thị 0,12 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 177,02 ha; từ đất nông nghiệp 175,14 ha, đất ở tại nông thôn 1,84 ha, đất sông suối 0,04 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 2.512,90 ha, tăng 176,37 ha so với năm 2022. Cụ thể các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

*+ Đất giao thông:*

- Diện tích năm 2022 có 1.367,97 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 1.367,85 ha, giảm 0,12 ha do thực hiện công trình đấu giá đất dôi dư do nắn tuyến quốc lộ 14.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 119,22 ha; từ đất nông nghiệp 117,34 ha; đất ở nông thôn 1,84 ha, đất sông suối 0,04 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 1.487,07 ha, tăng 119,10 ha so với năm 2022, cc công trình giao thông chính nâng cấp, mở rộng và làm mới trong năm kế hoạch 2023 như sau:

**Bảng 11: Nhu cầu các công trình đất giao thông**

| **STT** | **Hạng Mục** | **Chuyển tiếp/****đăng ký mới** | **Diện tích tăng thêm (ha)** | **Địa điểm (cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông | Chuyển tiếp | 2,00 |  xã Trường Xuân; xã Đắk N'Drung  |
| 2 | Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2 | Chuyển tiếp | 21,40 | Xã Đắk Hòa;Xã Đắk Môl; xã Nam bình |
| 3 | Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song | Chuyển tiếp | 6,60 |  TT. Đức An;Xã Nam Bình  |
| 4 | Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'Đrung - Thuận Hà | Chuyển tiếp | 6,60 |  Xã Đắk N'Đrung;Xã Thuận Hà  |
| 5 | Đường QL14 đi thôn 10 (2,6 km) | Chuyển tiếp | 0,78 | Xã Trường Xuân |
| 6 | Đường từ hội trường thôn 7 vào trại heo (0,45 km) | Chuyển tiếp | 0,14 | Xã Trường Xuân |
| 7 | Xây dựng rãnh thoát nước ngang thuộc công trình sửa chữa đoạn tuyến QL14C qua địa bàn huyện (01 vị trí tụ thủy cần thu hồi đất) | Chuyển tiếp | 0,04 |  Xã Nam Bình  |
| 8 | Đường giao thông tổ dân phố 1 (470m) | Chuyển tiếp | 0,34 | TT. Đức An |
| 9 | Đường giao thông tổ dân phố 6 (700m) | Chuyển tiếp | 0,42 | TT. Đức An |
| 10 | Đường giao thông liên xã Nam Bình đi Thuận Hạnh (1 km) | Chuyển tiếp |  0,50  | xã Thuận Hạnh |
| 11 | Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà, xã Đắk N'Đrung | Chuyển tiếp |  9,00  |  TT. Đức An;Xã Đắk N'Đrung;Xã Thuận Hà  |
| 12 | Nâng cấp đường giao thông liên xã Nâm N'Jang và xã Đắk N'Đrung, huyện Đắk Song | Chuyển tiếp |  6,60  |  Xã Đắk N'Đrung;Xã Nâm N'Jang  |
| 13 | Đường giao thông liên xã Nâm N'Jang - Trường Xuân - Đắk N'Đrung | Chuyển tiếp |  20,20  | Xã Đắk N'Đrung;Xã Nâm N'Jang;Xã Trường Xuân |
| 14 | Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh | Chuyển tiếp |  3,50  | Xã Nam Bình;Xã Thuận Hạnh |
| 15 | Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi xã Trường Xuân và xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song | Chuyển tiếp |  34,50  | Xã Nâm N'Jang;Xã Trường Xuân |
| 16 | Đường giao thông từ Quốc lộ 14 vào cầu thôn 2 xã trường xuân huyện Đắk Song, kết nối với đường phía Tây thủy điện Đắk R'Tih đến xã Đắk Rmo | Chuyển tiếp |  6,60  | Xã Trường Xuân |
|  | **Tổng** |  | **119,22** |  |

+ Đất thuỷ lợi

- Diện tích năm 2022 có 465,40 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 465,40 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thuỷ lợi: 1,22 ha lấy từ đất trồng cây lâu năm.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 466,62 ha, tăng 1,22 ha so với năm 2022.

- Trong năm kế hoạch 2023 các công trình nâng cấp, cải tạo sau:

**Bảng 12: nhu cầu các công trình đất thủy lợi**

| **STT** | **Hạng Mục** |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm (cấp xã)** | **Lấy vào loại đất** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Dự án hồ Xơ Re | 0,27 | Xã Đắk N'Đrung | CLN |
| 2 | Dự án hồ Xu Đăng (Dâng D'ri) | 0,95 | Xã Đắk N'Đrung | CLN |
|  | **Tổng** | **1,22** |  |  |

*+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá*:

- Diện tích năm 2022 có 5,18 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 5,18 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,45 ha, từ đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 5,63 ha, tăng 0,45 ha so với năm 2022. Do triển khai các công trình: Chuyển mục đích đất trường TH Lê Văn Tám cũ sang nhà Truyền thống dân tộc M'Nông.

*+ Đất xây dựng cơ sở y tế*

- Diện tích năm 2022 có 3,83 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3,71 ha. giảm 0,12 ha do chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn để bán đấu giá quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,00 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 3,71 ha, giảm 0,12 ha so với năm 2022.

*+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo:*

- Diện tích năm 2022 có 48,56 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 47,70 ha, giảm 0,86 ha, do chuyển sang đất xây trụ sở công an 0,11 ha (trụ sở công an xã Đắk Hòa), đất sinh hoạt cộng đồng 0,30 ha (Chuyển trường Nguyễn Chí Thanh thành nhà văn hóa thôn Đắk Sơn) và đất văn hóa 0,45 ha (Chuyển mục đích đất trường TH Lê Văn Tám cũ sang nhà Truyền thống dân tộc M'Nông).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,70 ha, từ đất trồng cây lâu năm 0,70 ha do thực hiện công trình: Mở rộng khuôn viên trường mẫu giáo hoa mai (0,20 ha); Mở rộng trường mầm non Hoa Hồng (điểm chính) (0,50 ha).

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 48,40 ha, giảm 0,16 ha so với năm 2022.

*+ Đất cơ sở thể dục - thể thao:* Diện tích kế hoạch năm 2023 có 7,07 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên. Trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

*+ Đất công trình năng lượng*

- Diện tích năm 2022 có 312,27 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 312,27 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 53,50 ha, từ đất trồng cây hàng năm 6,19 ha và từ đất trồng cây lâu năm 47,31 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 367,77 ha, tăng 53,50 ha so với năm 2022. Do thực hiện các công trình, dự án:

**Bảng 13: Nhu cầu các công trình đất năng lượng**

| **STT** | **Hạng Mục** | **Chuyển tiếp/****đăng ký mới** |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm (cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  |
| 1 | Nhà máy điện gió Asia Đắk Song 1 | Chuyển tiếp | 22,70 | Xã Nam Bình |
| 2 | Trạm biến áp 110 KV Nam Bình 1 và đấu nối | Chuyển tiếp | 0,50 |  Xã Nam Bình  |
| 3 | Nhà máy điện gió Đắk Song 2 | Chuyển tiếp | 16,10 | Xã Nam Bình |
| 4 | Nhà máy điện gió Đắk Song 1 | Chuyển tiếp | 14,20 | Xã Thuận HàXã Thuận Hạnh |
|  | **Tổng** |  | **53,50** |  |

*+ Đất bưu chính viễn thông*

- Diện tích năm 2022 có 1,30 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 1,30 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,12 ha, chuyển từ đất trồng cây lâu năm để thực hiện công trình: Bưu điện xã Đắk hòa 0,02 ha; Trạm phát sóng Viba xã Nam Bình 0,10 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 1,42 ha, tăng 0,12 ha so với năm 2022.

*+ Đất có di tích lịch sử văn hóa:* Diện tích kế hoạch năm 2023 có 0,09 ha. trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

*+ Đất bãi thải, xử lý chất thải:* Diện tích kế hoạch năm 2023 có 0,53 ha. trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

*+ Đất cơ sở tôn giáo*

- Diện tích năm 2022 có 55,69 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 55,69 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,27 ha, từ đất trồng cây lâu năm sang là 0,27 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 55,96 ha, tăng 0,27 ha so với năm 2022.

**Bảng 14: Nhu cầu các công trình đất cơ sở tôn giáo**

| **STT** | **Hạng Mục** | **Chuyển tiếp/****đăng ký mới** |  **Diện tích (ha)**  | **Diện tích tăng thêm (ha)** | **Địa điểm (cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đất cơ sở tôn giáo tại Bon Bujri | Chuyển tiếp | 0,42 | 0,00 | Xã Đắk Môl |
| 2 | Chùa thôn 9 | Chuyển tiếp | 0,50 | 0,00 | Xã Nâm N'Jang |
| 3 | Chùa thôn 5 | Chuyển tiếp | 0,50 | 0,00 | Xã Thuận Hà |
| 4 | Điểm nhóm tin lành tại bon Jăng Play 3 | Chuyển tiếp | 0,27 | 0,27 | Xã Trường Xuân |
| 5 | Chùa Thiên Phước | Đăng ký mới | 0,50 | 0,00 | Xã Đắk Hòa |
|  | **Tổng** |  | **2,05** | **0,27** |  |

*+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

- Diện tích năm 2022 có 65,40 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 65,40 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 2,00 ha, từ đất trồng cây hàng năm khác 2,00 ha. Tăng do thực hiện công trình Nghĩa địa xã Trường Xuân (2,00 ha).

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 67,40 ha, tăng 2,00 ha so với năm 2022.

*+ Đất chợ:* Diện tích kế hoạch năm 2023 có 3,24 ha. trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

+Đất sinh hoạt cộng đồng:

- Diện tích năm 2022 có 10,68 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 10,65 ha. Giảm 0,03 ha do chuyển sang đất ở nông thôn để bán đấu giá.

 - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng: 0,45 ha, chuyển từ đất cây lâu năm (0,15 ha), từ đất giáo dục (0,30 ha).

- Diện tích kế hoạch năm 2023 là 11,10 ha, tăng 0,42 ha so với năm 2022. Cụ thể triển khai thực hiện các hạng mục về đất sinh hoạt cộng đồng như sau:

**Bảng 15: Nhu cầu các công trình đất sinh hoạt cộng đồng**

| **TT** | **Hạng Mục** | **Chuyển tiếp/đăng ký mới** |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm (cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng bon R’Lông | Chuyển tiếp | 0,05 | Xã Đắk Môl |
| 2 | Chuyển trường Nguyễn Chí Thanh thành nhà văn hóa thôn Đắk Sơn | Chuyển tiếp | 0,30 |  Xã Đắk Hòa  |
| 3 | Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đắk Sơn 1 | Chuyển tiếp | 0,10 | Xã Đắk Môl |
|  | **Tổng** |  | **0,45** |  |

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích kế hoạch năm 2023 có 1,15 ha. trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất ở tại nông thôn:

- Diện tích năm 2022 có 806,42 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 804,28 ha, giảm 2,14 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,30 ha và đất giao thông 1,84 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại nông thôn: 15,16 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác (0,80 ha), từ đất trồng cây lâu năm (12,54 ha), từ đất thương mại dịch vụ (0,79 ha); từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (0,62 ha); từ đất cơ sở y tế (0,12 ha), từ đất sinh hoạt cộng đồng (0,03 ha), từ đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (0,26 ha).

- Diện tích kế hoạch năm 2023 có 819,44 ha, tăng 13,02 ha so với năm 2022. Năm 2023 sẽ triển khai thực hiện các hạng mục về đất ở tại nông thôn như sau:

**Bảng 16: Nhu cầu các công trình đất ở tại nông thôn**

| **TT** | **Hạng Mục** | **Chuyển tiếp / đăng ký mới** |  **Diện tích (ha)**  | **Địa điểm (cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | *CMĐ sang đất ở tại nông thôn* | đăng ký mới |  *1,00*  | *Xã Nam Bình* |
| 2 | *CMĐ sang đất ở tại nông thôn* | đăng ký mới |  *0,70*  | *Xã Thuận Hà* |
| 3 | *CMĐ sang đất ở tại nông thôn* | đăng ký mới |  *1,00*  | *Xã Đắk N'Đrung* |
| 4 | *CMĐ sang đất ở tại nông thôn* | đăng ký mới |  *2,00*  | *Xã Đắk Hòa* |
| 5 | *CMĐ sang đất ở tại nông thôn* | đăng ký mới |  *1,50*  | *Xã Trường Xuân* |
| 6 | *CMĐ sang đất ở tại nông thôn* | đăng ký mới |  *0,40*  | *xã Đắk Môl* |
| 7 | *CMĐ sang đất ở tại nông thôn* | đăng ký mới |  *2,00*  | *Xã Nâm N'jang* |
| 8 | *CMĐ sang đất ở tại nông thôn* | đăng ký mới |  *1,50*  | *xã Thuận Hạnh* |
| 9 | Đấu giá đất Khu tập thể giáo dục (trạm y tế Bon Bu Đốp xã Đắk N'drung) | Chuyển tiếp |  0,31  | Xã Đắk N'Đrung |
| 10 | Đấu giá đất trạm y tế thôn 10 xã Nam Bình | Chuyển tiếp |  0,10  | Xã Nam Bình |
| 11 | Đấu giá đất hội trường thôn 8 xã Nam Bình | Chuyển tiếp |  0,03  | Xã Nam Bình |
| 12 | Đấu giá đất trạm nước thôn 10 xã Nam Bình | Chuyển tiếp |  0,04  | Xã Nam Bình |
| 13 | Đấu giá đất trạm y tế thôn 1 xã Nam Bình | Chuyển tiếp |  0,02  | Xã Nam Bình |
| 14 | Đấu giá đất ở trụ sở lâm trường Đắk Rung cũ | Chuyển tiếp |  0,07  | Xã Nâm N'Jang |
| 15 | Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân | Chuyển tiếp |  0,62  | Xã Thuận Hạnh |
| 16 | Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân | Chuyển tiếp |  0,26  | Xã Thuận Hạnh |
| 17 | Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân | Chuyển tiếp |  0,72  | Xã Thuận Hạnh |
| 18 | Điểm dân cư xã Đắk Môl | đăng ký mới |  3,20  | Xã Đắk Môl |

+ Đất ở tại đô thị:

- Diện tích năm 2022 có 70,05 ha.

- Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 70,05 ha;

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại đô thị: 6,11 ha; từ đất trồng cây hàng năm khác 0,25 ha, đất trồng cây lâu năm 5,67 ha, từ đất giao thông 0,12 ha; từ đất thương mại dịch vụ 0,07 ha.

Năm 2023 sẽ triển khai thực hiện các hạng mục về đất ở tại đô thị như sau:

**Bảng 17: nhu cầu các công trình đất ở đô thị**

| **TT** | **Hạng Mục** | **Chuyển tiếp/ĐKM** |  **Diện tích (ha)**  | **Diện tích tăng thêm (ha)** | **Địa điểm (cấp xã)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | CMĐ đất ở đô thị tại thị trấn Đức An | Chuyển tiếp | 3,00 | 3,00 | TT. Đức An |
| 2 | CMĐ đất ở đô thị (ven tuyến đường TDP 3, TDP 4; thửa 97, tờ 17) | Chuyển tiếp | 0,50 | 0,50 | TT. Đức An |
| 3 | Đấu giá đất khu dân cư tại TDP 4, thị trấn Đức An | Đăng ký mới | 0,76 | 0,00 | TT. Đức An |
| 4 | Đấu giá đất khu đài nước tổ dân phố 2, thị trấn Đức An | Đăng ký mới | 0,07 | 0,07 | TT. Đức An |
| 5 | Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư tại TDP 6 (đường vào khu công vụ) | Đăng ký mới | 2,25 | 2,25 | TT. Đức An |
| 6 | Khu đất dôi dư do nắn chỉnh quốc lộ 14 thuộc TDP8, thị trấn Đức An (1 thửa, đối diện Hoàng Nguyên) | Đăng ký mới |  0,12  |  0,12  | TT. Đức An |
| **7** | Các thửa đất đã được phân lô chi tiết thuộc thị trấn Đức An (6 thửa) | Đăng ký mới |  0,17  |  0,17  | TT. Đức An |
|  | **Tổng** |  | **6,87** | **6,11** |  |

 - Diện tích kế hoạch năm 2023 có 76,16 ha, tăng 6,11 ha so với năm 2022.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có diện tích 12,99 ha chiếm 0,24% diện tích đất phi nông nghiệp. trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có diện tích 0,47 ha chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp. Giảm 0,26 ha so với hiện trạng năm 2022. Diện tích giảm do chuyển qua đất ở tại nông thôn.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có diện tích 1.770,37 ha chiếm 32,26% diện tích đất phi nông nghiệp. Giảm 0,04 ha so với hiện trạng năm 2022. Diện tích giảm do chuyển qua đất giao thông.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có diện tích 30,46 ha chiếm 0,56% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

**2.3. Đất chưa sử dụng**

Diện tích kế hoạch năm 2023 có 115,81 ha chiếm 0,04% diện tích đất tự nhiên. Trong năm kế hoạch 2023 không biến động so với hiện trạng năm 2022.

## 3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

**Bảng 18: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 202****3**

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Tổng diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- | --- |
|
|  |
| **1** | **Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp** | **NNP/PNN** |  **205,40**  |
| 1.1 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK/PNN |  16,17  |
| 1.2 | Đất trồng cây lâu năm | CLN/PNN |  188,93  |
| **2** | **Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp** |  | **2,00** |
| 2.1 | Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thuỷ sản | HNK/NTS | 2,00 |
| **3** | **Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở** | **PKO/OCT** | **2,01** |
| *Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp thị trấn, xã xem biểu 07/CH.* |

\* Trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023 diện tích các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích đất phi nông nghiệp là 205,40 ha. Trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 16,17 ha. Trong đó: Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,28 ha; chuyển sang đất phát triển hạ tầng 14,84 ha, đất ở nông thôn 0,80 ha, đất ở đô thị 0,25 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 188,93 ha. Trong đó chuyển sang đất an ninh 0,10 ha, đất thương mại dịch vụ 6,61 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3,86 ha, đất hạ tầng 160,00 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,15 ha, đất ở nông thôn 12,54 ha, đất ở đô thị 5,67 ha.

\* Năm 2023 kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 2,00 ha: đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi tròng thủy sản 2,00 ha.

\* Năm 2023 kế hoạch đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển qua đất ở: 2,01 ha (tại 04 xã, thị trấn: Thị trấn Đức An 0,07 ha; xã Nam Bình 0,15 ha; xã Nâm N’jang 0,07 ha; xã Thuận Hạnh 1,60 ha). Trong đó chuyển từ đất thương mại 0,86 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,62 ha, đất cơ sở y tế 0,12 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,26 ha.

## 4. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2023 để thực hiện các công trình, dự án là 73,32 ha ( Công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai 2013: 10 công trình dự án với tổng diện tích 72,22 ha; Công trình dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 của Luật Đất đai 2013: 01 công trình dự án với diện tích 0,10 ha). Diện tích các loại đất thu hồi: đất trồng cây hàng năm 5,44 ha, đất trồng cây lâu năm 67,44 ha; đất ở tại nông thôn 0,40 ha và đất sông ngòi, kênh rạch, suối 0,04 ha.

**Bảng 19: Kế hoạch thu hồi đất năm 2023**

| **STT** | **CHỈ TIÊU** | **Mã** | **Tổng diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- | --- |
|
|  |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH** |  |  **73,32**  |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **72,88** |
|  | *Trong đó:* |  |   |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | *-* |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *-*  |
| 1.1 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK |  5,44  |
| 1.2 | Đất trồng cây lâu năm | CLN |  67,44  |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** |  **0,44**  |
| 2.1 | Đất ở tại nông thôn | ONT |  0,40  |
| 2.2 | Đất sông ngòi, kênh rạch, suối | SON | 0,04  |
| *Ghi chú: - Chi tiết chia theo các đơn vị cấp thị trấn, xã xem biểu 08/CH.* |

## 5. Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải thu hồi đất

Trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có 11 công trình, dự án thực hiện phải thu hồi đất, tổng diện tích phải thu hồi 73,32ha. Trong đó công trình chuyển tiếp có 07 công trình và 04 công trình đăng ký mới. chi tiết như sau:

**Bảng 20: Danh mục công trình dự án thu hồi đất năm 2023**

| **STT** | **Hạng mục** | **Mã QH** | **Địa điểm (đến cấp xã)** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  | **TỔNG CỘNG: 11 công trình** |  |  | **73,32** |
| **A** | **Công trình quốc phòng an ninh** |  |  | **0,10** |
| 1 | Trụ sở công an xã Đắk Môl | CAN | xã Đắk Môl | 0,10 |
| **B** | **Công trình dự án chuyển tiếp từ năm 2022 qua năm 2023** |  |  | **46,30** |
| 1 | Nhà máy điện gió Asia Đắk Song 1 |  DNL  | Xã Nam Bình | 22,70 |
| 2 | Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông |  DGT  |  xã Trường Xuân; xã Đắk N'Drung  | 2,00 |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2 |  DGT  | Xã Đắk Hòa;Xã Đắk Môl; xã Nam bình | 21,40 |
| 4 | Mở rộng khuôn viên trường mẫu giáo Hoa Mai | DGD | Xã Thuận Hạnh | 0,20 |
| 5 | Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh | DGT | Xã Nam Bình; Xã Thuận Hạnh | 3,50 |
| 6 | Đường giao thông liên xã Nâm N'Jang - Trường Xuân - Đắk N'Drung | DGT | Xã Nâm N'Jang, xã Đắk N'Drung. xã Trường Xuân | 20,20 |
| **C** | **Công trình dự án đăng ký mới năm 2023** |  |   | **14,42** |
| 1 | Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song | DGT |  TT. Đức An;Xã Nam Bình  | 6,60 |
| 2 | Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'Đrung - Thuận Hà | DGT |  Xã Đắk N'Đrung;Xã Thuận Hà  | 6,60 |
| 3 | Dự án hồ Xơ Re | DTL | Xã Đắk N'Đrung | 0,27 |
| 4 | Dự án hồ Xu Đăng (Dâng D'ri) | DTL | Xã Đắk N'Đrung | 0,95 |

## 6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

- Kế hoạch năm 2023 diện tích đất chưa sử dụng là 115,81 ha, không biến động so với hiện trạng 2022 và chiếm 0,14% diện tích đất tự nhiên.

**PHẦN III:**

**GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH** **SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023**

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2023. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp như sau:

**1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

 - Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, điều tra đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước trên địa bàn huyện để sử dụng có hiệu quả và bền vững.

 - Đối với sản xuất nông nghiệp:

 + Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng với trọng tâm là hình thành vùng chuyên canh cây ăn quả kết hợp với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

 + Thực hiện ứng dụng sản xuất theo hướng canh tác hữu cơ ở những vùng có điều kiện; sử dụng phân bón hợp lý đặc biệt tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ và phân vi sinh, hạn chế sử dụng phân hoá học và các loại thuốc hoá học bảo vệ thực vật.

 + Các vùng đất có độ dốc lớn, không nên làm đất vào mùa mưa nhằm giảm thiểu các quá trình xói mòn, rửa trôi đất, khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường đất để sử dụng đất ổn định, lâu dài và bền vững.

 + Nghiên cứu thu hút đầu tư phát triển rừng gỗ lớn để tăng cường độ che phủ rừng, tăng nguồn sinh thủy đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế ngành lâm nghiệp.

 - Đối với sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

 + Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít hoặc không gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường.

 + Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử phạt nghiêm khắc hoặc đình chỉ sản xuất đối với các nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh, v.v... gây ô nhiễm môi trường do các nguồn chất thải không được xử lý.

 - Đối với đầu tư và thu hút đầu tư:

 + Có kế hoạch quy hoạch sắp xếp, di dời các nghĩa địa xen kẽ trong các khu dân cư.

 + Thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng thoát nước, cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nhất là khu vực thị trấn Đức An.

 + Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp; khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng; các dự án về du lịch dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ tập trung... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường,...

 - Nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường cảnh quan, có các biện pháp xử lý nghiêm trường hợp vi phạm.

**2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

 - Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá hoặc hợp tác công - tư (*như xây dựng chợ, trường học,...).*

 - Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí của các trụ sở cơ quan hành chính có lợi thế, tiềm năng về kinh doanh dịch vụ và thương mại, phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả về mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư đô thị,…đối với khu vực ven các trục giao thông, các trung tâm xã, thị trấn và các chợ.

 - Căn cứ vào các mục tiêu của quy hoạch, UBND huyện chủ động tiến hành xây dựng các phương án đầu tư bằng nhiều hình thức để người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

 - Về vốn đầu tư: Ngoài nguồn vốn từ ngân sách, huyện sẽ tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh và an ninh quốc phòng như: Giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thuỷ lợi nội đồng,…trên cơ sở phát huy truyền thống, tích cực của quần chúng nhân dân. Đồng thời, phải có biện pháp ưu đãi thiết thực đối với nhân dân khi hiến đất; có kế hoạch bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước để chỉnh lý biến động đất đai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận,... Huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư.

 + Thực hiện phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách được UBND tỉnh giao để đầu tư, phát triển các công trình phúc lợi xã hội như y tế, văn hoá, giáo dục,…trên địa bàn huyện. Đồng thời, có biện pháp huy động nguồn vốn trong nhân dân *(các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư, kiều bào là con em trên địa bàn)* để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, phúc lợi, an sinh xã hội.

 + Tăng cường quảng bá tiềm năng, thế mạnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải phóng mặt bằng để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, phát triển đô thị, thương mại, du lịch dịch vụ, trang trại,… lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đủ tiềm năng tài chính để thực hiện các công trình dự án đã được giao.

 + Tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để thực hiện các công trình giao thông, nhất là các tuyến đường hẻm trong các khu dân cư, trong đó lựa chọn các hình thức thực hiện như: Nhà nước đầu tư, vận động nhân dân hiến đất; vận động doanh nghiệp đầu tư vốn,…

**3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sdđ**

## *3.1. Về cơ chế, chính sách*

 - Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo việc sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các địa phương phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp,...

 - Phòng Tài nguyên - môi trường huyện và cán bộ địa chính thị trấn, xã có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và cung cấp thông tin có liên quan cho chủ sử dụng đất để thực hiện;

 - Đề xuất xây dựng chính sách đất đai và cụ thể hoá các điều khoản của Luật đất đai và các văn bản dưới Luật, đảm bảo kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

 - Cần có chính sách khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, du lịch. Thu hút người có tài và lao động có trình độ kỹ thuật từ các vùng khác đến công tác và làm việc lâu dài trên địa bàn huyện; đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực bằng cách đào tạo tại chỗ, gửi đi đào tạo, liên kết đào tạo;

 - Tăng cường đầu tư để đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai;

 - Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, bố trí việc làm để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng Luật đất đai;

 - Đẩy nhanh tốc độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo sát sự biến động do chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

 - Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

 - Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái;

 + Khuyến khích các nhà đầu tư phát triển tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm từng bước thu hút phát triển công nghiệp, để hạn chế việc phát triển công nghiệp lấy vào diện tích đất trồng lúa;

 + Hỗ trợ vốn vay sản xuất: Trên nguyên tắc thuận tiện, lãi suất thấp, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn vốn. Chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế hộ gia đình;

 + Hỗ trợ phát triển ngành nghề: Đầu tư máy móc, thiết bị để khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp,...

 + Chính sách phát triển dịch vụ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: nâng cấp và mở rộng chợ làm nơi giao lưu buôn bán;

 + Chính sách thông tin về thị trường: Cần phải được xúc tiến mạnh mẽ nhằm giúp đỡ và định hướng cho nông dân sản xuất để đem lại hiệu quả cao và bền vững nhất.

### *3.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất*

 Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được UBND tỉnh xét duyệt, thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ sau:

 - Tiến hành công bố rộng rãi phương án lập kế hoạch sử dụng đất được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai.

 - Phân bổ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho các xã, thị trấn để các địa phương thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của địa phương mình; Nhằm đảm bảo đồng bộ trong việc phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch.

 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai nhất là quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP để nâng cao nhận thức trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân. Quá trình xử lý các quan hệ về đất đai phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật; xử lý tốt mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - nhân dân, khuyến khích chủ đầu tư tự thỏa thuận với người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

**PHẦN IV:**

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

## 1. Kết luận

 Tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Song, được thể hiện ở những mặt cơ bản sau:

 1. Trình tự, nội dung các bước lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong quá trình tổ chức thực hiện có sự tham gia của các cấp, các ngành tại địa phương dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên Môi trường, UBND huyện Đắk Song.

 2. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được xây dựng dựa trên sơ sở quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2022; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông và huyện Đắk Song giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đức An đến năm 2030; các quy hoạch và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, nhu cầu sử dụng đất các sở, ban ngành, địa phương xác định; tiềm năng và quỹ đất hiện có của huyện.

 3. Phương án quy hoạch được xây dựng cho từng chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong từng giai đoạn để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên cơ sở có xét đến tính khả thi, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững và đảm bảo môi trường sinh thái.

 4. Xác lập được sự ổn định về mặt pháp lý trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành, giúp cho các ngành có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn huyện; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch.

 5. Chỉ tiêu các loại đất của phương án quy hoạch là khung chung định hướng cho việc thực hiện lập quy hoạch xây dựng xã, quy hoạch xây dựng thị trấn và định hướng sử dụng đất các ngành trên địa bàn huyện.

## 2. Kiến nghị

 - UBND tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi để giúp huyện tập trung đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình quan trọng, có quy mô lớn có sức lan toả làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thu hút đầu tư vào địa bàn huyện như: Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 2; các tuyến đường giao thông liên xã;... kết cấu hạ tầng đô thị thị trấn Đức An đặc biệt là hạ tầng cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

 - UBND tỉnh ban hành một số chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: Tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái. Đặc biệt cần quan tâm đến các chính sách ưu tiên phát triển du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị; xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh địa phương.

 - UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan sớm hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh (VILG); hàng năm bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc chỉnh lý bản đồ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính để tạo thuận lợi cho việc quản lý nhà nước về đất đai một cách hiệu quả, khoa học, đúng pháp luật, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh, trong đó có huyện Đắk Song.

 - Hỗ trợ kinh phí, chương trình… để giúp huyện đầu tư cho khoa học công nghệ trong quản lý tài nguyên đất đai - môi trường *(công nghệ thông tin trong quản lý đất đai…)*, đào tạo nguồn nhân lực… nhằm đảm bảo quản lý, sử dụng đất bền vững.

 - Ưu tiên dành quỹ đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.